

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 601/2025/HC-PT

Ngày 16 tháng 5 năm 2025

V/v Khiếu kiện hành vi hành
chính trong lĩnh vực quản lý
thuế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phan Nhật Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 886/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 172/2024/HC-ST ngày 14/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 348/2025/QĐPT-HC ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Công ty cổ phần N1

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An

Địa chỉ liên lạc: Số E đường H, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Trương Đức T – Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: A N, Phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Trần Quang T1 – Công ty L1 – chi nhánh L2 (có mặt)

- **Người bị kiện:** Cục Thuế tỉnh L (nay là Chi cục Thuế Khu vực X)

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu V – Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế Khu vực X (xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Võ Văn L – Trưởng phòng Thanh tra – Kiểm tra số 1 (có mặt)

Ông Nguyễn Văn S – Công chức phòng T2 (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là Công ty cổ phần N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện Công ty cổ phần N1 trình bày tại đơn khởi kiện ghi ngày 06/4/2024 như sau:

Vào tháng 8 năm 2022 Công ty cổ phần N1 (Trước đây là Công ty cổ phần Đ1) tiến hành chuyển nhượng phần đất tại ấp A xã T, huyện T, tỉnh Long An để thanh lý tài sản giải thể công ty.

Công ty cổ phần N1 (sau đây viết tắt là Công ty N1) có xuất hóa đơn giá trị gia tăng và có lập tờ khai thuế nhưng thuộc trường hợp không phải nộp thuế giá trị gia tăng theo đúng quy định của pháp Luật Quản lý thuế. Nhưng không thấy cơ quan thuế có ý kiến gì.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023 Cục Thuế tỉnh L đã lập biên bản kiểm tra thuế theo đề nghị của Công ty cổ phần N1 và đã kết luận Công ty cổ phần N1 còn thiếu số thuế liên quan đến chuyển quyền sử dụng đất chưa đóng là 12.504.332.428đ.

Đây là trường hợp cơ quan thuế tính thuế.

Quá trình làm việc với Cục Thuế tỉnh L, được Cục Thuế trả lời miệng là biên bản kiểm tra thuế không làm phát sinh nghĩa vụ nộp thuế.

Do thái độ không dứt khoát của Cục T nên ngày 18/10/2023 Công ty cổ phần N1 có Văn bản số 08/2023/CV gửi Cục Thuế tỉnh L đề nghị ra thông báo thuế để chúng tôi làm căn cứ nộp thuế nhằm làm thủ tục giải thể công ty.

Tuy nhiên từ đó đến nay Cục Thuế tỉnh L vẫn không ra thông báo thuế và cũng không cho biết lý do.

Hành vi không ra thông báo thuế của Cục Thuế tỉnh L là trái pháp luật quản lý thuế.

Cụ thể trái với khoản 2 Điều 55 Luật Quản lý thuế.

“2. Trường hợp cơ quan thuế tính thuế, thời hạn nộp thuế là thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan thuế”.

Hành vi không ra thông báo nộp thuế của Cục Thuế tỉnh L làm ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của *Công ty cổ phần N1*.

Việc Cục Thuế tỉnh L vẫn không ra thông báo thuế và cũng không cho biết lý do là trái pháp luật và đã làm ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty cổ phần N1, cụ thể là:

- Công ty cổ phần N1 không biết thực sự có nợ tiền thuế hay không mà Cục Thuế tỉnh L không ra thông báo thuế để làm căn cứ giải thể công ty.

- Công ty chúng không thể tiến hành giải thể *Công ty* được vì cơ quan thuế không ra thông báo thuế nên không biết phải nộp thuế như thế nào. Việc này đã làm hạn chế quyền giải thể *Công ty cổ phần N1* theo Luật Doanh nghiệp.

Công ty cổ phần N1 yêu cầu:

Tuyên bố “Hành vi không ra thông báo thuế” của Cục Thuế tỉnh L là trái pháp luật quản lý thuế (theo khoản 2 Điều 55 Luật Quản lý thuế).

Buộc Cục Thuế tỉnh L phải ra thông báo thuế cho Công ty cổ phần N1 thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện Cục Thuế tỉnh L có ý kiến tại Văn bản số 2815/CTLAN-TTKT2 ngày 13/6/2024 như sau:

Cục Thuế tỉnh L nhận được Thông báo số 123/2024/TLST-HC ngày 17/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (công văn đến Cục Thuế ngày 22/5/2024) về việc thụ lý vụ án hành chính sơ thẩm giữa:

- Người khởi kiện: Công ty cổ phần N1. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An. Địa chỉ liên lạc: 581, đường Đ, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Trương Đức T; chức vụ: giám đốc.

- Người bị kiện: Cục Thuế tỉnh L.

Những vấn đề cụ thể người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

Công ty cổ phần N1 yêu cầu: Tuyên bố “Hành vi không ra thông báo thuế” của Cục Thuế tỉnh L là trái pháp luật quản lý thuế (theo khoản 2 Điều 55 Luật Quản lý thuế).

Qua nội dung được nêu tại đơn khởi kiện, Cục T xin có ý kiến về yêu cầu của bên khởi kiện là Công ty cổ phần N1 (sau đây gọi tắt là Công ty) như sau:

I. Hành vi không ra thông báo thuế của Cục Thuế tỉnh L:

Thực hiện Quyết định số 2492/QĐ-CTLAN ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh L về việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế tại Công ty cổ phần N1; mã số thuế: 1100789301; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Căn cứ biên bản kiểm tra thuế ngày 10/2/2023 tại Công ty cổ phần N1 về nội dung và thời kỳ như sau: Kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế, kiểm tra tình hình quản lý và sử dụng hóa đơn; Thời kỳ kiểm tra: từ ngày 01/01/2012 đến thời điểm giải thể (ngày 30/09/2022). Kết quả kiểm tra ghi nhận như sau:

1. Nội dung 1: Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Về thuế GTGT:

Năm 2022: Số thuế GTGT phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng thêm là 78.823.008 đồng.

Số liệu ghi nhận theo biên bản kiểm tra thuế ngày 10/02/2023 tại mục 1.5 phần IV “Các khoản truy thu, điều chỉnh qua kiểm tra”: Truy thu thuế GTGT năm 2022 số tiền: 4.282.676.148 đồng (trong đó: Truy thu thuế GTGT năm 2022 từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 78.823.008 đồng và truy thu thuế GTGT năm 2022 từ hoạt động kinh doanh bất động sản là 4.203.853.140 đồng)

- Về thuế TNDN:

Năm 2017: Số thuế TNDN từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng thêm là 101.424.863 đồng.

- Các khoản xử lý qua kiểm tra:

+ Truy thu thuế GTGT năm 2022: 78.823.008 đồng.

+ Truy thu thuế TNDN năm 2017: 101.424.863 đồng.

+ Tiền chậm nộp thuế GTGT theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, số tiền 3.168.685 đồng.

+ Tiền chậm nộp thuế TNDN theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ, số tiền 53.795.748 đồng.

+ Phạt 20% trên số thuế TNDN năm 2017 khai thiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ và phạt 20% trên số thuế GTGT năm 2022 khai thiếu theo quy định tại khoản 1 Điều

16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; với số tiền là 36.049.575 đồng.

Tổng số đã xử lý qua kiểm tra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh là 273.261.879 đồng.

Công ty đã thống nhất với kết quả kiểm tra và Cục T đã ban hành Quyết định số 446/QĐ-XPVPHC ngày 21/3/2023 về việc xử lý vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty cổ phần N1 và Công ty đã nộp đủ số tiền xử lý theo quyết định của Cục T.

2. Nội dung 2: Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản

- Công ty kê khai thuế GTGT và thuế TNDN đối với hoạt động kinh doanh bất động sản: Công ty kê khai giá đất được trừ để tính thuế GTGT và chi phí được trừ để tính thuế TNDN theo hồ sơ góp vốn bằng quyền sử dụng đất của các cổ đông góp vốn vào Công ty. Hồ sơ góp vốn bằng quyền sử dụng đất của các cổ đông không thực hiện theo quy định tại Điều 155 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai (*Kèm theo các hợp đồng góp vốn bản pho to công ty cung cấp*).

- Kết quả kiểm tra thuế GTGT và thuế TNDN của Đoàn kiểm tra đối với hoạt động kinh doanh bất động sản: Căn cứ hồ sơ về nguồn gốc đất, Công ty nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ cá nhân. Trình tự, thủ tục chuyển quyền sử dụng đất giữa Công ty và cá nhân được thực hiện theo quy định tại Điều 148 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai. Công ty và cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về chuyển quyền sử dụng đất (*Bảng kê chi tiết về giá trị nguồn gốc đất và các khoản nộp ngân sách nhà nước có liên quan đến thửa đất số: 1201; 771; 1114; 770; 1209 trước khi chuyển nhượng kèm theo Phụ lục 15/BBKT và Phụ lục 16/BBKT của Biên bản Kiểm tra thuế ngày 10/02/2023*), với số tiền là 1.057.615.460 đồng.

Theo đó, Đoàn kiểm tra xác định nguồn gốc đất của Công ty là nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ cá nhân, để xác định:

- Giá đất được trừ xác định giá tính thuế là giá chuyển nhượng bất động sản trừ (-) giá đất được trừ để tính thuế GTGT theo quy định tại khoản 10 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ T3;

- Giá vốn của đất chuyển quyền, xác định phù hợp với nguồn gốc quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm b 2 khoản 1 Điều 17 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ T3;

Từ kết quả kiểm tra thuế tại Công ty và căn cứ pháp lý nêu trên, tổng số tiền thuế truy thu đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là 12.425.509.420 đồng, trong đó:

- Truy thu thuế GTGT năm 2022 từ hoạt động kinh doanh bất động sản: 4.203.853.140 đồng (*Số liệu ghi nhận theo biên bản kiểm tra thuế ngày 10/02/2023*).

- Truy thu thuế TNDN năm 2022 từ hoạt động kinh doanh bất động sản: 8.221.656.280 đồng (*Số liệu ghi nhận theo biên bản kiểm tra thuế ngày 10/02/2023*).

Hành vi vi phạm hành chính quy định tại: điểm a khoản 1 Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

Tại biên bản kiểm tra thuế ký ngày 10/2/2023 Công ty đã có ý kiến không đồng ý với cách tính thuế của Đoàn kiểm tra đối với tài sản góp vốn vào Công ty. Công ty đề nghị cơ quan thuế xem xét lại bản chất bất động sản là góp vốn và xem xét lại cách tính thuế.

3. Khi Cơ quan thuế xem xét vụ việc vi phạm đề quyết định xử phạt vi phạm hành chính, xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu trốn thuế đối với hoạt động kinh doanh bất động sản qua kiểm tra, cụ thể như sau:

Căn cứ hồ sơ, chứng từ góp vốn bằng quyền sử dụng đất của các cổ đông góp vốn và các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Công ty và cá nhân mà Công ty cung cấp, Đoàn kiểm tra đối chiếu hồ sơ thực tế phát sinh thì việc ghi nhận tại biên bản kiểm tra ngày 10/2/2023, với hành vi vi phạm hành chính về kê khai thuế GTGT và thuế TNDN đối với hoạt động kinh doanh bất động sản tại điểm a khoản 1, Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn là chưa phù hợp với quy định. Do Công ty sử dụng hồ sơ, chứng từ góp vốn bằng quyền sử dụng đất của các cổ đông góp vốn vào Công ty không thực hiện theo quy định tại Điều 155 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, để kê khai giá đất được trừ khi tính thuế GTGT là 47.300.000.000 đồng (thực tế phát sinh là 1.057.615.460 đồng) và chi phí được trừ khi tính thuế TNDN là 46.369.750.000 đồng (thực tế phát sinh là 1.057.615.460 đồng).

Theo đó, Công ty có hành vi sử dụng hồ sơ, chứng từ góp vốn bằng quyền sử dụng đất của các cổ đông góp vốn vào Công ty không phản ánh đúng bản chất giao dịch thực tế để xác định sai số thuế phải nộp đối với hoạt động kinh doanh

bất động sản, với số tiền thuế là 12.425.509.420 đồng (trong đó: thuế GTGT là 4.203.853.140 đồng, thuế TNDN là 8.221.656.280 đồng) thuộc trường hợp trốn thuế theo quy định khoản 5 Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội.

- Căn cứ tại khoản 5 Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội, quy định:

Điều 143. Hành vi trốn thuế

5. Sử dụng chứng từ, tài liệu không phản ánh đúng bản chất giao dịch hoặc giá trị giao dịch thực tế để xác định sai số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm, số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế không phải nộp.

- Căn cứ tại khoản 1 Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012 của Quốc hội, quy định:

“Điều 62. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự

1. Khi xem xét vụ vi phạm để quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.

- Căn cứ tại điểm b khoản 1 Điều 10 Quy chế chuyển tin báo vụ việc về thuế, hồ sơ kiến nghị khởi tố đối với hành vi vi phạm pháp luật về thuế có dấu hiệu tội phạm đến cơ quan điều tra ban hành kèm theo Quyết định số 489/QĐ-TCT ngày 07/4/2022 của Tổng cục Trưởng T4, quy định:

“Điều 10. Chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm để kiến nghị khởi tố vụ án hình sự

1. Các trường hợp chuyển hồ sơ kiến nghị khởi tố

b) Khi xem xét vụ vi phạm để quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt phải có văn bản chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.

Căn cứ quy định trên, Cục T xem xét vụ vi phạm để quyết định xử phạt vi phạm hành chính, với hành vi vi phạm hành chính về kê khai thuế GTGT và thuế TNDN đối với hoạt động kinh doanh bất động sản tại điểm a khoản 1 Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn theo kiến nghị của Đoàn kiểm tra thuế được ghi nhận tại biên bản kiểm tra thuế ngày 10/02/2023, việc xác định Công ty vi

phạm hành chính về kê khai sai dẫn đến thiếu tiền thuế phải nộp nêu trên là chưa phù hợp với quy định.

Căn cứ quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội và Thông tư liên tịch số: 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC của Bộ trưởng Bộ C, Bộ trưởng Bộ Q, Bộ trưởng Bộ T3, Bộ trưởng Bộ N2 và Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao ngày 29/12/2017 quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Cục Thuế tỉnh L quyết định chuyển hồ sơ về hành vi vi phạm có dấu hiệu trốn thuế sang Công an tỉnh L để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cục T đã có Công văn số 970/CHS-CTLAN ngày 21/3/2023 về việc chuyển hồ sơ, vụ việc có dấu hiệu tội phạm sang cơ quan điều tra đối với Công ty cổ phần N1.

Cục Thuế có Quyết định số 443/QĐ-CTLAN ngày 21/3/2023 về việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm hành chính có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Công ty cổ phần N1.

Ngày 27/3/2023 Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu Công an tỉnh L có Phiếu chuyển nguồn tin về tội phạm số 163/PC-PC03 gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T hồ sơ, tài liệu đối với Công ty cổ phần N1 xem xét, giải quyết theo quy định và thông báo cho Cục Thuế tỉnh L và Phòng PC03 Công an tỉnh biết kết quả.

Cục Thuế đã ban hành Công văn số 1053/CTLAN-TTKT2 ngày 07/3/2024 để đơn đốc Cơ quan CSĐT Công an huyện T xem xét xử lý hồ sơ kiến nghị đối với hành vi vi phạm về thuế có dấu hiệu tội phạm của Công ty cổ phần N1.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T có Công văn số 154/CV-ĐTTH ngày 15/4/2024 về việc trao đổi thông tin, hướng xử lý của Công an huyện T đang chờ kết quả cung cấp của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để có căn cứ giải quyết nguồn tin về tội phạm.

4. Không ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế do chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm sang cơ quan Công an:

Căn cứ điểm đ khoản 1, Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012 của Quốc hội quy định những trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính như sau:

“Điều 65. Những trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong những trường hợp sau đây:

đ) Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại Điều 62 của Luật này.”

Căn cứ quy định trên, Cục T đã có quyết định chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính nên Cục T không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty cổ phần N1 theo đúng quy định tại điểm đ khoản 1, Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13.

II. Ngày 10/02/2023 sau khi ký biên bản kiểm tra Công ty đã có đơn khiếu nại gửi đến Cục Thuế tỉnh L:

Ngày 13/02/2023, Cục Thuế tỉnh L đã nhận được đơn khiếu nại số 05/2023/CV ngày 10 tháng 02 năm 2023 (theo dấu công văn đến Cục Thuế số 1282 ngày 13/02/2023) của Công ty cổ phần N1; Mã số thuế: 1100789301; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Công ty cổ phần N1 khiếu nại đối với Biên bản kiểm tra thuế ngày 10/02/2023 của Đoàn kiểm tra thuế theo Quyết định số 2492/QĐ-CTLAN ngày 29/11/2022 của Cục Thuế tỉnh L; cụ thể khiếu nại nội dung kết luận tại Biên bản kiểm tra, việc cho rằng công ty phải chịu thuế giá trị gia tăng số tiền 4.282.676.148 đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp số tiền 8.221.656.280 đồng, tiền phạt 2.521.151.458 đồng và tiền chậm nộp 418.346.086 đồng đối với chuyển nhượng quyền sử dụng đất của công ty, mà quyền sử dụng đất này do 03 thành viên góp vốn khi thành lập doanh nghiệp.

Sau khi xem xét nội dung đơn khiếu nại, căn cứ Điều 11 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011, Cục Thuế nhận thấy đơn khiếu nại của Công ty cổ phần N1 không đủ điều kiện để thụ lý giải quyết hành chính và hành vi hành chính. Biên bản kiểm tra thuế ghi nhận lại nội dung kết quả kiểm tra theo trình tự, thủ tục kiểm tra để làm cơ sở pháp lý ban hành quyết định xử lý vi phạm hành chính hoặc kết luận qua kiểm tra. Đồng thời, **Biên bản kiểm tra chưa thể hiện được ý chí, thẩm quyền của Cục T để công ty phải thực hiện và chưa ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty cổ phần N1.**

Từ đó, Cục T đã ban hành Thông báo số 468/TB-CTLAN ngày 22/02/2023 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại đề Công ty được biết.

III. Khi Cục Thuế không thụ lý giải quyết khiếu nại, ngày 27/02/2023 Công ty đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh Long An:

Ngày 27/04/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã ban hành Thông báo số 108/2023/TLST-HC về việc thụ lý vụ án hành chính sơ thẩm giữa:

- Người khởi kiện: Công ty cổ phần N1.

Địa chỉ: E, đường Đ, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần N1: bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1991.

- Người bị kiện: Cục Thuế tỉnh L.

Những vấn đề cụ thể người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

Tuyên bố hành vi lập biên bản kiểm tra thuế ngày 10/02/2023 của Cục Thuế tỉnh L là trái pháp luật thuế và pháp Luật Quản lý thuế.

Sau 2 phiên tòa xét xử ngày 14/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã ban hành Quyết định số 75/2023/QĐST-HC về việc đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 108/2023/TLST-HC ngày 27/4/2023 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính*” giữa Người khởi kiện: Công ty cổ phần N1 và N bị kiện: Cục Thuế tỉnh L.

Tiếp đến ngày 15/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Long An nhận được đơn kháng cáo của Công ty cổ phần N1.

Kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ số 75/2023/QĐST-HC ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính*” giữa người khởi kiện Công ty cổ phần N1 và người bị kiện Cục Thuế tỉnh L.

Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Kháng cáo yêu cầu hủy quyết định đình chỉ.

Ngày 28/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã ra thông báo về việc kháng cáo số 35/2023/TB-TA và đã tiến hành chuyển hồ sơ kháng cáo đến Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo quy định.

Ngày 04/12/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh ra Thông báo số 972/TBTL-HC về việc thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm theo đơn kháng cáo của Công ty cổ phần N1.

Sau khi xem xét hồ sơ đến ngày 09/4/2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 261/2024/QĐ-PT về việc giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Kết quả không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện Công ty cổ phần N1, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 75/2023/QĐST-HC ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Ngày 17/5/2024, khi Cục T nhận được Quyết định số 261/2024/QĐ-PT ngày 09/4/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án thì Cục T đã tiếp tục ban hành Công văn số 2623/CTLAN-TTKT2 ngày 30/5/2024 để đơn đốc Cơ quan CSĐT Công an huyện T xem xét xử lý hồ sơ kiến nghị đối với hành vi vi phạm về thuế có dấu hiệu tội phạm của Công ty cổ phần N1. Nhưng đến thời điểm hiện tại Cục T chưa nhận được kết quả phản hồi từ cơ quan công an.

- Đến ngày 12/6/2024 Cục T nhận được Quyết định số 227/QĐ-ĐTTH ngày 10/6/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T về việc phục hồi việc giải quyết nguồn tin về tội phạm.

Căn cứ hồ sơ, chứng cứ và các quy định pháp luật nêu trên, Công ty khởi kiện hành vi không ra thông báo thuế của Cục Thuế tỉnh L là trái pháp luật quản lý thuế là không có căn cứ và không có cơ sở pháp luật.

Tóm lại, đối với kết luận tại biên bản kiểm tra thuế ngày 10/2/2023 nội dung liên quan đến kết quả xử lý đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã thống nhất với kết luận tại biên bản nên Cục T đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định; riêng nội dung liên quan đến xử lý từ hoạt động kinh doanh bất động sản Cục T chưa ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với lý do:

Thứ nhất, tại biên bản kiểm tra thuế Công ty có ý kiến không thống nhất với cách tính của Đoàn kiểm tra;

Thứ hai, Công ty đã khiếu nại biên bản của Đoàn kiểm tra với Cục T và khởi kiện ra Tòa án về hành vi lập biên bản của Đ kiểm tra Cục T tại Tòa án tỉnh Long An và tiếp tục kháng cáo với Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

Thứ ba, Cục T đã có quyết định chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính sang cơ quan Công an nhưng do Công ty khởi kiện ra Tòa án nên Công an chưa có kết luận vụ việc. Cục T đã có công văn đơn đốc cơ quan Công an sớm có kết luận vụ việc sau

khi có Quyết định của Tòa án nhân dân cấp cao tại TP H không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần N1;

Từ các lý do nêu trên, Cục T không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty cổ phần N1 theo đúng quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13. Khi có thông báo kết luận từ cơ quan Công an, Cục T sẽ ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo đúng quy định.

Do đó, Cục Thuế tỉnh L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần N1 để tránh việc Công ty sử dụng hồ sơ, chứng từ góp vốn bằng quyền sử dụng đất của các cổ đông góp vốn vào công ty không đúng quy định pháp luật, không phản ánh đúng bản chất giao dịch thực tế dẫn đến xác định sai số tiền thuế GTGT và thuế TNDN phải nộp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản để trốn thuế gây thất thu ngân sách Nhà nước, đồng thời đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật và tạo sự công bằng giữa người nộp thuế.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 172/2024/HC-ST ngày 14/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần N1 đối với Cục Thuế tỉnh L về việc “Buộc thực hiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về thuế” về việc:

1.1. Tuyên bố hành vi không ra thông báo thuế của Cục Thuế tỉnh L là trái pháp luật quản lý thuế.

1.2. Buộc Cục Thuế tỉnh L phải ra thông báo thuế cho Công ty cổ phần N1 thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật là yêu cầu buộc thực hiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về thuế.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 16/8/2024, người khởi kiện là Công ty cổ phần N1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện được làm đúng thời hạn, hình thức nội dung đảm bảo theo quy định pháp luật.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính, Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt đương sự này.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Ngày 10/2/2023, Đoàn kiểm tra của Cục Thuế tỉnh L lập biên bản ghi nhận hành vi vi phạm hành chính đối với Công ty N1 về kê khai thuế GTGT và thuế TNDN đối với hoạt động kinh doanh bất động sản tại điểm a khoản 1, Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

Theo đó, Cục Thuế tỉnh L xác định Công ty N1 sử dụng hồ sơ, chứng từ góp vốn bằng quyền sử dụng đất của các cổ đông góp vốn vào Công ty không thực hiện theo quy định tại Điều 155 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ, để kê khai giá đất được trừ khi tính thuế GTGT là 47.300.000.000 đồng - Thực tế phát sinh là 1.057.615.460đ và chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp 46.369.750.000đ - Thực tế phát sinh là 1.057.615.460đ. Công ty N1 có hành vi sử dụng hồ sơ, chứng từ góp vốn bằng quyền sử dụng đất của các cổ đông góp vốn vào Công ty không phản ánh đúng bản chất giao dịch thực tế để xác định sai số thuế phải nộp đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, với số tiền thuế là 12.425.509.420đ. Trong đó thuế giá trị gia tăng là 4.203.853.140đ, thuế thu nhập doanh nghiệp là 8.221.656.280đ.

[2.2] Tại khoản 1 Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: *“Khi xem xét vụ vi phạm để quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự”*.

Khoản 5 Điều 143 Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019 quy định hành vi trốn thuế như sau: *“Sử dụng chứng từ, tài liệu không phản ánh đúng bản chất giao dịch hoặc giá trị giao dịch thực tế để xác định sai số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm, số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế không phải nộp”*.

Tại điểm b khoản 1 Điều 10 Quy chế chuyển tin báo vụ việc về thuế, hồ sơ kiến nghị khởi tố đối với hành vi vi phạm pháp luật về thuế có dấu hiệu tội phạm đến cơ quan điều tra ban hành kèm theo Quyết định số 489/QĐ-TCT ngày 07/4/2022 của Tổng cục Trưởng T4, quy định: *“Khi xem xét vụ vi phạm để quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt phải có văn bản chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự”*.

Tại điểm đ, khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định những trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính như sau: *“Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại Điều 62 của Luật này”*.

[2.3] Như vậy, việc Cục trưởng Cục Thuế tỉnh L không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty N1 mà có quyết định chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính sang cơ quan Cảnh sát điều tra là đúng quy định pháp luật được viện dẫn nêu trên.

[2.4] Công ty N1 không khởi kiện việc Cục trưởng Cục Thuế tỉnh L không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, chỉ yêu cầu Cục Thuế tỉnh L ra Thông báo thuế cho Công ty N1 thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật. Đại diện của người khởi kiện xác định lý do khởi kiện nêu trên là bởi vì theo Điều 50 Luật Quản lý thuế, người nộp thuế bị ấn định thuế khi thuộc một trong các trường hợp vi phạm pháp luật về thuế như: Không phản ánh hoặc phản ánh không đầy đủ, trung thực, chính xác số liệu trên sổ kế toán để xác định nghĩa vụ thuế. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, việc Cục Thuế tỉnh L không ra Thông báo nộp thuế đối với Công ty N1 là đúng quy định tại Điều 13 Nghị định 126/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

Người khởi kiện cho rằng không có văn bản luật hoặc dưới luật nào cấm ra thông báo nộp thuế trong trường hợp có dấu hiệu của tội trốn thuế nhưng như nhận định trên và cũng không có văn bản quy phạm pháp luật nào cho phép hoặc buộc phải ra thông báo trong trường hợp này. Do đó, yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của Công ty N1 là đúng quy định pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Công ty cổ phần N1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện Công ty cổ phần N1. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 172/2024/HC-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Áp dụng Điều 62, điểm đ khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012 của Quốc hội; Khoản 5 Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội; Điều 13 Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần N1 đối với Cục Thuế tỉnh L về việc “Buộc thực hiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về thuế” về việc:

1.1. Tuyên bố hành vi không ra thông báo thuế của Cục Thuế tỉnh L là trái pháp luật quản lý thuế.

1.2. Buộc Cục Thuế tỉnh L phải ra thông báo thuế cho Công ty cổ phần N1 thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật là yêu cầu buộc thực hiện

hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về thuế.

2. Về án phí:

2.1 Án phí hành chính sơ thẩm: Công ty cổ phần N1 phải chịu án phí, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí Công ty cổ phần N1 300.000đ tiền tạm ứng theo biên lai thu số 0000255 ngày 17/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

2.2 Án phí hành chính phúc thẩm: Công ty cổ phần N1 phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000051 ngày 16/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thanh Thúy